

CHỨC QUAN TỔNG TRẦN TRONG NỀN CHÍNH TRỊ ĐẦU TRIỀU NGUYỄN (1802 - 1832)

Bùi Gia Khánh

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội, Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt. Trong 30 năm đầu triều Nguyễn, đã tồn tại một loại hình tổ chức hành chính địa phương đặc biệt đó là “thành”, bao gồm Bắc thành và Gia Định thành. Đây là cấp tổ chức hành chính chỉ dành riêng cho hai khu vực lớn ở hai đầu đất nước, có chức năng quản lý, điều hành và kết nối triều đình trung ương với các trấn trực thuộc thành. Bắc thành và Gia Định thành trong thời gian tồn tại của mình đã góp phần quan trọng trong chia sẻ với triều đình trung ương công việc quản lý tại các địa phương, nhất là hoạt động đảm bảo an ninh và ổn định tình hình chính trị, xã hội. Đứng đầu thành và chịu trách nhiệm trước Hoàng đế cho mọi hoạt động của thành là quan Tổng trấn, bao giờ cũng là một vị đại thần xuất thân tướng lĩnh với phẩm trật và tước vị cao nhất trong hàng ngũ quan lại đương thời. Tổng trấn có quyền lực rất lớn nếu so với hàng ngũ quan lại đứng đầu các địa phương (trấn/dinh) đầu triều Nguyễn. Mặt khác tất cả các Tổng trấn đều xuất thân là tướng lĩnh từng xông pha trận mạc, lập nhiều chiến công nên họ đều được xếp vào hàng công thần, rất được trọng vọng. Với vai trò, chức năng quan trọng trong bộ máy nhà nước cùng với địa vị đặc biệt, Tổng trấn có tầm ảnh hưởng lớn trong nền chính trị đầu triều Nguyễn trong giai đoạn tồn tại chức quan này từ 1802 đến 1832.

Từ khóa: Tổng trấn, Bắc Thành, Gia Định Thành, triều Nguyễn, tản quyền.

1. Mở đầu

Trong giai đoạn từ 1802 đến 1832, triều Nguyễn đã áp dụng một mô hình tổ chức hành chính đặc biệt ở hai đầu đất nước đó là “thành”: Bắc thành và Gia Định thành. Việc thiết lập hai đơn vị hành chính có vai trò trung gian giữa triều đình với các trấn/dinh là một giải pháp tình thế mà vua Gia Long phải lựa chọn. Gắn với sự tồn tại của cấp tổ chức hành chính thành là vai trò, vị thế và tầm ảnh hưởng của chức quan Tổng trấn – vị đại thần đứng đầu thành.

Đã có nhiều nghiên cứu về tổ chức bộ máy nhà nước của triều Nguyễn trong giai đoạn này. Nhiều nghiên cứu đánh giá cao sự lựa chọn mô hình hợp lý của vua Gia Long trong bối cảnh phức tạp, khó khăn đầu thế kỉ XIX khi chưa thể thực hiện chế độ tập quyền đầy đủ. Một số nghiên cứu cũng phân tích thêm về tình thế buộc phải san sẻ quyền lực cho các công thần của vua Gia Long, sau khi nhờ họ mới có thể giành thắng lợi trước Tây Sơn, có thể kể đến những công trình như sau: *Cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh (1820-1840)* (Nguyễn Minh Tường, 1996) [1], *Một số vấn đề về quan chế triều Nguyễn* (Phan Đại Doãn, Nguyễn Minh Tường, 1997) [2], *Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802 – 1884* (Đỗ Bang, 1997) [3], *Khảo cứu kinh tế và tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn: Những vấn đề đặt ra hiện nay* (Đỗ Bang, 1998) [4],... Những nghiên cứu vừa nêu là cơ sở quan trọng trong nhận thức về bộ máy nhà nước triều Nguyễn, đề từ đó nghiên cứu này tiếp tục đi vào hướng tiếp cận mà

đến nay vẫn chưa được chú ý nhiều. Đó là, tiếp cận nghiên cứu về chức quan Tổng trấn trong giai đoạn 1802 – 1832 trên các phương diện giới hạn quyền lực và khả năng ảnh hưởng của chức quan này đối với nền chính trị đầu triều Nguyễn. Việc nghiên cứu trên góc độ này sẽ góp phần nhìn rõ hơn về cấu trúc quyền lực và tính chất tập quyền của mô hình nhà nước đương thời.

Một số nghiên cứu tập trung vào định chế hoạt động, quản lí và giám sát quan lại dưới triều Nguyễn đã ít nhiều đề cập đến một trong những nội dung mà nghiên cứu này hướng đến, đó là cơ chế kiểm soát của triều đình Huế đối với Bắc thành và Gia Định thành. Có thể kể đến các công trình sau: *Định chế quản lí nhà nước thời Nguyễn* (Trần Thị Thanh Thanh, 2000) [5], *Tổ chức giám sát của các triều đại quân chủ Việt Nam* (Ngô Đức Lập, 2012) [6], *Quá trình phát triển của bộ máy nhà nước triều Nguyễn từ “trung ương tản quyền” đến “trung ương tập quyền”* (1802-1840) (Huỳnh Văn Nhật Tiến, 2016) [7]... Các nghiên cứu này đã cho rằng có một cơ chế giám sát riêng đối với Bắc thành ngay dưới thời Gia Long. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rằng thời Gia Long chưa có một cơ chế như vậy, những lí giải cụ thể sẽ được trình bày trong nội dung của nghiên cứu này.

Cùng tiếp cận các vấn đề quyền lực của chính quyền trung ương triều Nguyễn đối với địa phương nhất là giai đoạn tồn tại Bắc thành và Gia Định thành, chúng tôi đã có công bố bài viết: *Chế độ “duyet tuyền” dưới thời Gia Long (1801 - 1820) và Minh Mạng (1820 - 1841)* (Bùi Gia Khánh, 2022) [8]. Tuy nhiên trong nghiên cứu vừa nêu chỉ tập trung những nội dung thuộc về chế độ duyệt tuyền mà chưa có điều kiện phân tích sâu về vai trò của những vị đại thần đứng đầu hai thành.

Trên cơ sở nguồn tư liệu đương thời như *Đại Nam thực lục* [9], [10], [11], [12], *Đại Nam liệt truyện* [13], *Hoàng Việt luật lệ* [14], *Châu bản triều Nguyễn* [15] bài viết này tập trung nghiên cứu về chức quan Tổng trấn đứng đầu Bắc thành, Gia Định thành và ảnh hưởng của họ đối với nền chính trị đương thời.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bối cảnh chính trị đầu triều Nguyễn và sự thiết lập chức quan Tổng trấn

Trước thế kỉ XIX, chức quan Tổng trấn vốn không phải là xa lạ trong nền chính trị của Việt Nam. Chính bản thân Nguyễn Hoàng, người khởi đầu cho công cuộc Nam tiến của dòng họ Nguyễn đã nhậm chức Tổng trấn hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam vào năm 1570. Về sau, dưới thời các chúa Nguyễn chức quan Tổng trấn tướng quân cũng thường được dùng để gia phong cho những người có nhiều đóng góp cho chính quyền Đàng Trong, nhất là từ khi chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương.

Khi triều Nguyễn được thành lập đầu thế kỉ XIX, một trong những vấn đề khó khăn nhất phải giải quyết của vua Gia Long là thiết lập hệ thống tổ chức hành chính từ trung ương đến địa phương. Do hệ quả từ quá trình phân liệt và các cuộc nội chiến kéo dài từ thế kỉ XVI đến hết thế kỉ XVIII; tiến trình mở rộng lãnh thổ của các Chúa Nguyễn ở Đàng Trong, đã từng bước tạo nên tính khác biệt về cách thức quản lí giữa các khu vực. Vì vậy, tuy Gia Long đã thu giang sơn về một mối nhưng không dễ gì xóa bỏ được sự chia cắt trong nội tại đất nước vốn đã được định hình quá lâu.

Đối với khu vực Đàng Ngoài cũ, quá trình chia cắt do hệ quả lịch sử trước đó hàng trăm năm dẫn đến những khác biệt lớn so với Đàng Trong đặt ra nhiều thách thức trong việc thiết lập phương thức quản lí vào những năm đầu triều Nguyễn. Nguyên cơ về sự trỗi dậy bởi các thế lực chống đối ở các địa phương xa trung tâm hay những phản ứng của các tầng lớp có tư tưởng “hoài Lê” vẫn đang còn tiềm tàng trong xã hội là vấn đề nan giải đối với Gia Long sau khi đã “đại định” Bắc Hà. Bên cạnh đó, ở khu vực miền núi phía Bắc tình hình đầu thế kỉ XIX vẫn chưa thể kiểm soát hoàn toàn, “thời Lê - Trịnh, biên giới phía Bắc và phía Tây bị buông lỏng,

nhiều thổ dân từ Quảng Tây, Vân Nam xâm lấn, đồng thời một số tù trưởng miền núi cũng lợi dụng triều đình không ổn định yếu kém thực hiện ý đồ cục bộ, địa phương làm suy yếu nền thống nhất quốc gia” [2, 11].

Tình hình đó là nguyên nhân chủ yếu khiến cho vua Gia Long chưa thể áp dụng chế độ tập quyền triệt để ngay sau khi thống nhất đất nước. Một mô hình tạm thời được áp dụng mà như một số nghiên cứu cho rằng, Gia Long đã thực hiện “chế độ quân quản” [4, 141] hay “phân quyền” hoặc “tán quyền” [7] trong buổi đầu của vương triều Nguyễn. Mặt khác có nghiên cứu cho rằng: “Vương triều Nguyễn đứng đầu là vua Gia Long không đủ khả năng và uy tín trực tiếp quản lý hai vùng Nam Bắc rộng lớn của đất nước. Nhà vua đã phải chấp nhận một biện pháp linh hoạt, tạm thời đặt hai vùng Bắc Hà và Gia Định gọi là Bắc thành và Gia Định thành, giao cho võ quan cao cấp quản lý” [3, 117]. Biện pháp “phân quyền” vì thế được đánh giá là: “Một trong những chính sách khôn khéo, đưa đến thành công trong việc nội trị của Gia Long là nhà vua đã không áp dụng biện pháp tập quyền triệt để ngay từ lúc mới lên ngôi (1802). Vì Gia Long rất hiểu tình hình phức tạp của xã hội sau hàng trăm năm chia cắt và thuộc quyền của các chế độ cũ khi lãnh thổ đã hợp nhất Đàng Trong với Đàng Ngoài nhưng thế nước vẫn chưa yên, nhất là ở Đàng Ngoài cũ... Gia Long đã phân quyền cho Tổng trấn Bắc thành và Gia Định thành như là một bước quá độ để tiến tới hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước tập quyền cho Triều đình Huế” [4, 143].

Ngoài nguyên nhân chính để thực hiện chế độ phân quyền như vừa đề cập, một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, phân quyền cũng là cách để Gia Long chia sẻ quyền lợi cho những công thần đã cùng mình vào sinh ra tử suốt mấy chục năm chinh chiến. “Họ là những người có công lao lớn, thế lực mạnh nhiều khi phạm đến uy thế của Hoàng đế mà chính các Hoàng đế không dễ dàng không chế. Vua Gia Long phải đối xử mềm mỏng, bảo đảm quyền lợi cho họ (như một kiểu trả công). Việc Gia Long trên căn bản giữ nguyên các đơn vị tổ chức hành chính như lập Gia Định thành - Bắc thành và giữ các trấn, doanh như cũ là do sức lực và thời gian chưa cho phép, đó là lí do quá độ và phải “chiếu cố” các công thần” [2, 13-14].

Những lí do vừa nêu đều có tính hợp lí của nó, tuy nhiên chúng tôi cũng cho rằng sự ổn định tình hình buổi đầu đất nước thống nhất rất cần những người có tài năng cai trị, cầm quân. Có thể vua Gia Long buộc phải chia sẻ quyền lực của mình, nhưng thực tiễn cho thấy rằng ông cũng đã biết dùng người đúng lúc, đúng chỗ để từng bước thiết lập nền hành chính ổn định của cả vương triều. Ở đây cần thấy rằng Bắc Thành được lập ngay khi vua Gia Long ra Bắc chủ yếu vẫn là vấn đề nội trị và một phần nào đó là sự liên hệ với nhà Thanh để thực hiện các thủ tục “đại diện bang giao”. Sự phức tạp này như lời của vua Gia Long là: “Đất Bắc Hà vừa đẹp yên, dân vật đều mới, mà thành Thăng Long lại là nơi quan trọng của Bắc Hà, cần có trọng thần để trấn giữ mới được” [9, 528]. Do đó, tháng 10 năm 1802 ngay khi chuẩn bị hồi loan về Thuận Hóa, Gia Long đã giao toàn quyền xử lý các vấn đề Bắc thành cho Nguyễn Văn Thành, một vị tướng có nhiều công lao trong công cuộc trung hưng của Gia Long.

Chiến tranh vừa kết thúc, hàng ngũ công thần của Gia Long có rất nhiều nhưng không phải ai cũng đủ khả năng nắm quyền cai trị Bắc thành - một đơn vị hành chính chưa có tiền lệ. Người giữ chức quan Tổng trấn vừa là tướng giỏi nhưng phải có học vấn và tầm nhìn của một nhà chính trị, điều này ít người có được. Trong khi đó, “Thành biết chữ, hiểu nghĩa sách, biết đại thể, ở trong chư tướng vua trọng Thành hơn, không cứ việc lớn việc nhỏ đều hỏi để quyết đoán” [13, 409]. Có thể nói mẫu hình tướng lĩnh văn võ kiêm toàn như Nguyễn Văn Thành là người mà Gia Long đang rất cần cho công cuộc ổn định tình hình chính trị, xã hội lúc bấy giờ trên đất Bắc Hà và ở Gia Định thành cũng tương tự.

Đàng Trong, đặc biệt là vùng Gia Định được xem là đất trung hưng, là chỗ dựa của vua Gia Long trong thời kỳ nội chiến. Tuy nhiên, vùng đất này Chúa Nguyễn tổ chức bộ máy hành chính mới từ thế kỉ XVII trong khi lại phải trải qua quá nhiều xáo trộn do chiến tranh nên chưa thực

sự ổn định về mặt quản lý. Quá trình thử nghiệm mô hình quản lý vùng Gia Định từ sau 1802 không có tiến triển, đồng thời do yêu cầu về hoạt động ngoại giao với Xiêm La và bảo hộ Chân Lạp cần phải có đại thần thay mặt Hoàng đế giải quyết những công việc cần thiết nên năm 1808, Gia Định thành được thành lập. Nguyễn Văn Nhân là người đầu tiên được trao giữ chức quan Tổng trấn Gia Định thành.

Với tình hình như trên, việc thiết lập hai đơn vị hành chính trung gian là Bắc thành và Gia Định thành – một mô hình quá độ của thời kỳ “quyền nghi tạm đặt”, là điều hợp lý mà vua Gia Long buộc phải lựa chọn trong bối cảnh đầy phức tạp này.

2.2. Quyền lực của quan Tổng trấn và ảnh hưởng đối nền chính trị triều Nguyễn

2.2.1. Quan Tổng trấn trong cơ chế hoạt động của bộ máy tổ chức hành chính

Ở Bắc thành (và sau đó là Gia Định thành) vua Gia Long gần như giữ nguyên hiện trạng bộ máy tổ chức ở các địa phương ngay sau khi thống nhất đất nước. Bắc thành như là một tổ chức trung gian khi quy thuộc 11 trấn ở khu vực này để từ đó vận hành hoạt động của bộ máy bằng cách kết nối mệnh lệnh từ triều đình xuống đến các trấn, đồng thời chuyển tải thông tin cũng như xử lý sự vụ trong phạm vi cho phép và báo cáo về triều đình. Các trấn trực thuộc Bắc thành gồm 5 nội trấn: Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Sơn Tây và 6 ngoại trấn: Cao Bằng, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Quảng Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang. Khu vực trung tâm của Bắc Thành là phủ Phụng Thiên (năm 1805 đổi làm phủ Hoài Đức), có vị trí tương đương với một trấn.

Ở phía Nam, Gia Định thành phụ trách 5 trấn là: Biên Hòa (trước năm 1808 là dinh Trấn Biên), Định Tường (trước năm 1808 là dinh Trấn Định), Phiên An (trước năm 1808 là dinh Phiên Trấn), Vĩnh Thanh (trước 1808 là dinh Vĩnh Trấn), và trấn Hà Tiên (từ năm 1810).

Trong giai đoạn cấp thành tồn tại, triều đình Huế ban hành mệnh lệnh đến các trấn trực thuộc thành thông qua Tổng trấn. Ở chiều ngược lại, các trấn phải thông qua Tổng trấn để báo cáo lên triều đình. Tuy vậy, khả năng Tổng trấn thao túng toàn bộ tình hình trong thành mà mình đang nắm giữ là không thể do sự ràng buộc trách nhiệm trong cơ chế làm việc. Bên cạnh Tổng trấn và các chức quan giúp việc như Phó Tổng trấn, Hiệp tổng trấn, ở thành còn có cơ cấu tổ chức Tào như là mô hình lục Bộ thu nhỏ do triều đình bổ nhiệm.

Tại Bắc thành và Gia Định thành tuy không thiết lập cùng lúc nhưng về căn bản có tổ chức tương tự nhau đó là bộ máy tam Tào, gồm có: Hộ Tào (kiêm việc Công phòng), Binh Tào (kiêm việc Lễ phòng), Hình Tào (kiêm việc Lại phòng). Những chức vụ đứng đầu các Tào đều là quan chức do triều đình trực tiếp bổ nhiệm có vai trò như những đại diện của triều đình tại các thành. Năm 1802, khi thiết lập Bắc thành thì tam Tào đã được lập ra đồng thời: “Đặt ba Tào Hộ Binh Hình ở Bắc thành, Hộ bộ Nguyễn Văn Khiêm, Binh bộ Đặng Trần Thừa, Hình bộ Phạm Đăng Hưng lãnh các tào ấy” [9, 528]. Tất cả các công việc ở thành đều được Tổng trấn xử lý thông qua đầu mối tam Tào. Thành ở đây như một cấp hành chính đặc biệt, phần nào có tính độc lập trong xử lý công vụ.

Việc duy trì quyền lực của lục Bộ tại Bắc thành và Gia Định thành thông qua cơ cấu tam Tào cho thấy triều đình trung ương không hoàn toàn giao phó thành cho các vị Tổng trấn. Tam Tào như là cánh tay nối dài của Hoàng đế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên trách và phần nào kiểm soát quyền lực của Tổng trấn. Bản thân những người đứng đầu tam Tào là Tham tri, Thiêm sự đều là quan lại cấp cao ở các Bộ do Hoàng đế trực tiếp bổ nhiệm, khi cần Hoàng đế có thể triệu về Kinh để báo cáo tình hình công việc của thành. Năm 1816, vua Gia Long còn yêu cầu Bắc Thành mỗi tháng 3 lần sai người về Kinh tâu việc để hỏi han [9, 917]. Trong những trường hợp thuộc chuyên môn của mình, quan chức của Tào hoàn toàn có quyền chủ động tâu báo về triều những hoạt động vi phạm của các trấn trực thuộc thành. Chẳng hạn như trường hợp năm 1810, Hình Tào Bắc thành là Phạm Như Đăng hạch tâu các trấn Kinh Bắc, Sơn Tây, Cao Bằng

xử án có nhiều ruộng đất sung công mà lại bị ần lậu không thu thuế. Vua giao cho đình thần xem xét lại và yêu cầu truy thu thuế cho đủ số lượng [9, 785]. Năm 1813, lúc này Nguyễn Hoàng Đức là Tổng trấn Bắc thành lại hạch tâu về việc Thượng thư Hình Bộ Phạm Như Đăng trong thời gian ở Bắc thành đã xử án quá nặng. Vua đã cho giáng chức Phạm Như Đăng từ Hình Bộ Thượng thư xuống làm Tham tri Hình bộ [9, 858]. Điều này càng khẳng định thêm rằng, triều đình Huế hoàn toàn chủ động trong việc kiểm soát tình hình các thành chứ không phó mặc cho quan Tổng trấn. Đồng thời, Tổng trấn cũng có quyền giám sát và hạch tâu về quá trình thực hiện nhiệm vụ của các viên quan do triều đình bổ nhiệm ở Tào. Do khối lượng công việc hàng ngày ở thành là rất lớn vì vậy, bộ máy hành chính ở đây cần có sự chủ động nhất định. Cơ chế làm việc được thiết lập khiến cho triều đình có thể nắm bắt được tình hình nhưng không cần can thiệp quá sâu vào quá trình điều hành ở các trấn thuộc Bắc thành và Gia Định thành. Trên phương diện này có thể xem đó là sự san sẻ quyền lực đối với bộ máy tổ chức thành mà người có quyền cao nhất là quan Tổng trấn.

Trong bối cảnh đất nước bộn bề công việc cần giải quyết, yêu cầu trước mắt là phải ổn định tình hình chính trị, xã hội, thì việc giao một khu vực rộng lớn cho các tướng lĩnh có tài năng đảm đương là điều hợp lí. Một mặt triều đình cần phải nhanh chóng giải quyết những vụ việc nổi dậy tại các địa phương xa trung tâm, hoặc đề chống phá chính quyền mới hoặc cướp bóc nhất thời và đây là điều kiện cần để triều đình Huế thực thi các chính sách mới. Mặt khác, chính quyền địa phương cần nhanh chóng giải quyết các vụ án để ổn định lòng dân, bởi vì việc “hình án” tại các thành luôn là một nội dung quan trọng mà Tổng trấn cần quán xuyến và thay mặt triều đình giải quyết. Năm 1821, Tham tri Hình tào Bắc thành là Vũ Đức Thông được triệu về Kinh để báo cáo tình hình. Vua Minh Mạng đã nhắc nhở rằng: “Ở Bắc thành văn án rất nhiều, người nên siêng năng xét xử, đừng để đọng lại” [10, 111]. Năm 1822, triều đình cho định lại cách thức tâu án ở Gia Định Thành và Bắc Thành. Theo đó, trước 1822 việc tâu án ở hai đơn vị hành chính lớn này chưa thống nhất “có khi do Tổng trấn, có khi do Hình tào, lại có khi do Tổng trấn và Hình tào cùng hiệp nghị”. Bộ Hình bàn bạc và cho rằng “hai Thành đã đặt Tổng trấn, mọi việc đều coi cả mà định đoạt, còn Hình Tào thì bổn phận là theo giúp, sao lại tự đề tâu. Và lại Hình tào chuyên việc văn án, xét nghĩ phải trái chỉ nên theo ý xét định của Tổng trấn. Nếu lại hiệp bàn thì sợ không phải là theo ý nghĩa trách nhiệm chuyên nhất. Xin từ nay việc án ở hạt thành thì Hình tào xét nghĩ trước, mà chuyên do Tổng trấn xét chắc rồi làm án tâu lên” [10, 214]. Qua đây có thể thấy việc xét án là một trong những công việc quan trọng ở hai thành đồng thời cũng phản ánh phần nào cơ chế làm việc và vai trò rất lớn của Tổng trấn ở hai khu vực này.

Về phạm vi tự quyết định công việc theo kiểu “tùy nghi”, “làm trước tâu sau” mà Hoàng đế cho phép Tổng trấn thực hiện thì cũng có giới hạn nhất định. Điển chế triều Nguyễn không cho thấy những quy định rạch ròi, việc nào được phép việc nào không, tuy nhiên qua những sự việc cụ thể mà các viên Tổng trấn, Phó Tổng trấn thực hiện và ý kiến sau đó của Hoàng đế cho thấy, không phải việc gì Tổng trấn cũng có thể tự chuyên mà định đoạt. Những việc quan trọng đều phải báo cáo và được sự chuẩn y của Hoàng đế thì Tổng trấn mới được phép làm. Một số sự kiện có cùng nội dung công việc dưới đây cho thấy điều đó:

- Đầu năm 1810, do hạn hán và lũ lụt, các trấn Kinh Bắc, Hải Dương, Yên Quảng, Sơn Nam hạ ở Bắc thành bị nạn đói. Tổng trấn Bắc thành khi đó là Nguyễn Văn Thành dâng sớ nói: “Sau khi các trấn bị thiên tai, nhân dân ngày càng đói lắm. Xin bàn cách phát chẩn và cho vay, để đỡ túng ngặt cho dân, cấm chọn tiền để dân tiêu dùng được dễ”. Vua đều theo lời. Sai phát thóc kho ra 30.000 hộc, khiến bọn Trương Tấn Bửu, Phạm Như Đăng, Nguyễn Đình Đức chia đi các nơi chẩn cấp” [9, 772].

- Đầu năm 1820, Tổng trấn Lê Chất được triệu về Kinh để dự tang lễ của vua Gia Long, Phó Tổng trấn Lê Văn Phong đảm nhiệm công việc Bắc thành. Lúc bấy giờ người dân vùng Sơn

Nam thượng và Kinh Bắc gặp phải nạn đói lớn. Phó tổng trấn Bắc thành Lê Văn Phong và Tham tri Hộ tào Nguyễn Tường Vân liền phát thóc kho cho dân nghèo vay. Sự việc báo về triều đình, vua Minh Mạng truyền dụ phê bình hành động này: “Ta từ khi nối ngôi đến giờ, ăn muộn dậy sớm, cầu chữa được bệnh khổ của dân, những tiền thóc tha miễn có đến mấy trăm vạn... phạm những việc yêu nuôi dân chúng, trăm điều không tiếc gì cả. Nay nếu dân hạt người có thiếu ăn thì cũng không phải là khẩn lắm, nên làm sớ chạy tâu ngay, chỉ trong khoảng tuần nhật là có chỉ xuống thi hành cũng không phải chậm, há nên tự chuyên làm như thế ru?” [10, 59]. Tuy quả trách quan Bắc thành trong việc này nhưng sau đó vua Minh Mạng vẫn cho phép lấy 30.000 học thóc cho dân vay.

- Năm 1827, Chân Lạp gặp nạn đói, Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt đã “tiện nghi” phát chẩn 15.000 phương gạo rồi làm sớ tâu lên. Vua Minh Mạng không hài lòng và dụ rằng: “Cứu giúp tai nạn, triều đình cố nhiên là không tiếc của, duy Chân Lạp là nước thuộc phiên, so với dân ta có khác, nếu nước ấy mất mùa đói kém mà phát chẩn thì đợi tâu cũng chưa muộn. Nay tạm cho biên vào sổ tiêu, về sau không được viện làm lệ” [10, 662-663]. Sau đó, Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt có dịp về Kinh vào châu. Vua Minh Mạng lại nhắc đến sự việc này: “Trước đây Chân Lạp kêu đói, khanh tiện nghi phát chẩn, không phải là việc nhỏ đâu. Quyền nghi thông biến ở khanh thì còn được, chứ người khác thì phải cân giữ pháp độ” [10, 671].

Ba sự kiện vừa dẫn ở trên cho thấy, đối với việc hệ trọng, Tổng trấn dù quyền hạn lớn cũng không được phép tự quyết định mà buộc phải xin ý kiến triều đình rồi mới thi hành. Cùng là việc cho dân vay thóc cứu đói trong lúc cần kíp, nhưng Tổng trấn Bắc thành báo cáo về triều trước và được Hoàng đế chuẩn y, trong khi hai trường hợp sau thì bị quả trách do “tự chuyên”. Tuy nhiên trong cách nhắc nhở đối với từng cá nhân cụ thể thì thái độ của Hoàng đế có khác nhau. Đối với Lê Văn Duyệt thì vua Minh Mạng có phần nhẹ nhàng vỗ về hơn so với trường hợp của Lê Văn Phong ở Bắc thành.

Trong việc quản lý quan lại dưới quyền tại các thành, khi giao chức Tổng trấn cho Nguyễn Văn Thành (1802) và Lê Văn Duyệt (1820) vua Gia Long và Minh Mạng lúc đó có cho phép việc “truất thăng quan lại” đều được tùy ý làm rồi tâu sau. Dù vậy, việc này trên thực tế lại nằm trong thẩm quyền của triều đình mà người quyết định cuối cùng là Hoàng đế. Trong bộ *Hoàng Việt luật lệ*, tại Điều 2 (Đại thần tự ý tuyển dụng quan lại) thuộc phần Lại luật, quy định: “Quyền bổ dụng người là trong tay bậc quân thượng [vua] phạm bổ dụng đại thần các quan viên văn võ ở trong triều cũng như bên ngoài đều phải theo sự tuyển dụng của triều đình. Đại thần chỉ được quyền xin lệnh chỉ và phụng mệnh thi hành không được tự ý” [14, 362]. Ngay cả việc đặt thêm quan chức, dù chức vị nhỏ nhưng vẫn phải xin ý kiến của triều đình. Chẳng hạn như trường hợp năm 1811, Bắc thành xin đặt thêm cai huyện và ký huyện để trông coi việc thu thu tô thuế. Vua Gia Long cho rằng: “Triều đình đặt quan là vì dân, quan nhiều thì rối dân”, vì vậy đã không đồng ý [9, 830].

Một số nghiên cứu về triều Nguyễn cho rằng từ thời Gia Long đã đặt ra cơ chế giám sát riêng đối với thành từ năm 1809 [5], [6], [7]. Quan điểm này xuất phát từ lời tấu của Phạm Như Đăng đề nghị “Đặt Đô sát viên ngự sử ở Bắc thành (Phạm quan lại không theo pháp luật, kẻ quyền thế ức hiếp người dưới, việc nhỏ thì xét xử ngay, việc lớn thì đàn hặc tâu lên, cho nghiêm phép làm quan; cuối năm kiểm duyệt các án do thành trấn đã xét, nếu có việc oan thì xét lại)” [9, 752-753]. Tuy nhiên xem xét kỹ hơn thì thấy rằng, lời điều trần 12 việc của Phạm Như Đăng chỉ được vua Gia Long khen ngợi chứ không rõ có cho thực hiện hay không. Khi Phạm Như Đăng bệ từ, nhân đó đã tiến cử một số quan lại thì được vua Gia Long chuẩn y với đề nghị tiến cử đó. Lời điều trần 12 việc về sau không thấy nhắc đến. Mặt khác từ 1809 cho đến khi Minh Mạng thiết lập Đô sát viện không thấy một vị quan nào được bổ nhiệm chức vụ Đô sát viên ngự sử ở Bắc thành cả. Hơn nữa nếu như có một viên quan làm nhiệm vụ giám sát ở Bắc thành thì Gia Định thành cũng phải có chức vụ tương đương. Trong khi đó cho đến khi giải thể hai thành,

không thấy sử sách triều Nguyễn nhắc đến chức vụ này. Như vậy, cơ chế giám sát riêng đối với hai thành trong thời gian tồn tại của tổ chức hành chính này là chưa được thiết lập. Tuy nhiên với bộ máy tam Tào và sự liên lạc chặt chẽ với triều đình trung ương thì Hoàng đế luôn nắm được công việc của hai thành mà không sợ bị các quan Tổng trấn chuyên quyền.

2.2.2. Ảnh hưởng của quan Tổng trấn trong nền chính trị triều Nguyễn

Tổng trấn là một chức quan đặc biệt gắn với một loại hình đơn vị hành chính đặc biệt chỉ tồn tại trong ba thập niên đầu của triều Nguyễn (1802 đến 1832), đó là Bắc thành và Gia Định thành. Quyền lực cũng như những cá nhân được trao nắm giữ chức vụ này cũng có phần khác biệt so với việc bổ nhiệm các chức vụ đứng đầu địa phương khác đương thời. Những người được trao chức Tổng trấn đều là các võ quan có nhiều công lao trong thời gian chinh chiến cùng vua Gia Long trước 1802, và sau đó giữ nhiều chức vụ quan trọng trong hệ thống chính quyền thời Gia Long và Minh Mạng.

Bảng 1. Thống kê những người giữ chức Tổng trấn Bắc thành và Gia Định thành

STT	Tổng trấn Bắc Thành	Thời gian giữ chức	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thành	10/1802 - 1810	
2	Nguyễn Hoàng Đức	1810 - 1815	
3	Lê Chất	1818 - 1826	
4	Trương Văn Minh	1827 - 1828	Quyền Tổng trấn
5	Phan Văn Thúy	1828 - 1831	Quyền Tổng trấn
STT	Tổng trấn Gia Định Thành	Thời gian giữ chức	
1	Nguyễn Văn Nhân	1808 - 1812	
2	Lê Văn Duyệt	1812 - 1815	
3	Trương Tấn Bửu	1815	Quyền Tổng trấn
4	Nguyễn Hoàng Đức	1816 - 1919	
5	Nguyễn Văn Nhân	1919 - 1820	
6	Lê Văn Duyệt	1820 - 1832	

(Nguồn: Tác giả thống kê từ “Đại Nam thực lục”)

Từ thống kê trên, có thể thấy trong thời gian tồn tại của đơn vị hành chính thành, chỉ có 5 người được thực thụ chức quan Tổng trấn là: Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Hoàng Đức (người duy nhất giữ chức Tổng trấn cả Bắc Thành và Gia Định Thành), Lê Chất, Nguyễn Văn Nhân (2 lần giữ chức Tổng trấn Gia Định Thành), Lê Văn Duyệt (2 lần giữ chức Tổng trấn Gia Định Thành). Trong khi đó Trương Văn Minh, Phan Văn Thúy, Trương Tấn Bửu là các Phó Tổng trấn giữ quyền ấn vụ Tổng trấn mà thôi. Tất cả những người đã từng giữ chức quan Tổng trấn (hoặc quyền Tổng trấn) đều xuất thân võ quan. Đối với 5 người được thực thụ chức Tổng trấn đều được thăng chức vụ đến Chương quân với trật Chánh Nhất phẩm, tước vị quận công, một số vị còn được đeo ấn Tướng quân (Lê Chất, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Hoàng Đức) hoặc Đại tướng quân (Nguyễn Văn Thành). Đây là những chức vụ, phẩm trật và tước vị cao nhất đối với một đại thần dưới thời Gia Long và Minh Mạng. Nguyễn Văn Thành khi giữ chức Tổng trấn là: Khâm sai Chương Tiền quân (Từ năm 1822 là Chương Trung quân) Bình Tây Đại tướng quân Bắc thành Tổng trấn quận công. Lê Văn Duyệt khi giữ chức Tổng trấn là: Khâm sai Chương Tả quân Bình Tây Tướng quân Gia Định thành Tổng trấn quận công. Lê Chất khi giữ chức Tổng trấn là: Khâm sai Chương Hậu quân Bình Tây Tướng quân Bắc thành Tổng trấn quận công. Nguyễn Hoàng Đức khi giữ chức Tổng trấn là: Khâm sai Chương Tiền quân Bình Tây Tướng

quân Gia Định thành Tổng trấn quận công. Nguyễn Văn Nhân khi giữ chức Tổng trấn là: Khâm sai Chương quân Thần vũ (từ 1816 là Chương Hữu quân) Gia Định thành Tổng trấn quận công.

Trong số những vị Tổng trấn hoặc quyền Tổng trấn đã liệt kê, Lê Chất có thể coi là một trường hợp đặc biệt. Trong khi các vị Tổng trấn khác đều đi theo Nguyễn Ánh ngay từ buổi đầu thì Lê Chất lại là một Đô đốc của quân Tây Sơn. Năm 1799, Lê Chất đem quân bán bộ ra hàng rồi theo về với Nguyễn Ánh và được trao nhiều chức vụ quan trọng. Nguyễn Ánh cũng đối đãi với Lê Chất rất ưu hậu do công trạng mà Lê Chất lập được trong quá trình cầm quân. Năm 1801, Lê Chất được phong tước quận công [13, 472]. Ngay sau khi đặt niên hiệu Gia Long năm thứ nhất (tháng 5 năm 1802), vua Gia Long đã phong cho Lê Chất làm Khâm sai chương Hậu quân bình Tây tướng quân (cùng đợt này Lê Văn Duyệt được phong làm Khâm sai chương Tả quân bình Tây tướng quân). Giữ chức Chương quân và được đeo ấn Tướng quân là một vinh dự và vị trí đặc biệt quan trọng trong quân đội triều Nguyễn, rất ít người đạt được vị trí này. Chính vì vậy: “Các tướng có người cho rằng Lê Chất là tướng đầu hàng mà danh vị lại ở trên mình, đem lòng thối tiếc” [9, 542]. Năm 1803, Lê Chất cảm thấy không yên lòng nên dâng sớ từ chức và xin hạ xuống cùng hàng với Đô thống chế, nhưng vua Gia Long không đồng ý và vẫn cho giữ nguyên chức cũ. Điều này cho thấy vua Gia Long rất coi trọng tài năng và có sự ưu đãi đối với một vị hàng tướng như Lê Chất. Năm 1810, Nguyễn Hoàng Đức làm Tổng trấn Bắc thành, Lê Chất được bổ làm Hiệp Tổng trấn. Đến 1818, Lê Chất được vua Gia Long lựa chọn làm Tổng trấn Bắc thành.

Trong thời gian 8 năm giữ ấn Tổng trấn Bắc thành (1818 – 1826) đã có một số sự việc khá thú vị trong quan hệ giữa Lê Chất với vua Gia Long, qua đó phản ánh giới hạn quyền lực của một quan Tổng trấn. Năm 1821, Hiệp trấn Sơn Nam Thượng Lê Duy Thanh bị tố cáo tham nhũng, vua giao cho Bắc thành xử lí. Lê Duy Thanh nhân dịp vào triều đã xin vua đòi việc tra xét cho nha khác xét hỏi, tránh bị Bắc thành xử nặng. Lê Chất đàn hặc, lấy lí do “Thanh là tiểu thần dám tư ngao vô lễ ở trên triều đình” xin chém đầu. Vua Minh Mạng giao cho Bắc thành xét hỏi, định tội. Tổng trấn Lê Chất cùng Hình Tào khép Lê Duy Thanh vào tội chết. Sau đó, vua Minh Mạng yêu cầu xem lại vụ án Lê Duy Thanh rồi cho Lê Duy Thanh được hưởng mức cách chức phái đi Quảng Bình làm việc. *Đại Nam liệt truyện* cho biết Lê Chất vì việc này mà trong lòng “bực tức, muôn chấp tấu, lại sợ vượt chức không dám làm” [13, 475]. Ba năm sau (1824), Lê Chất và Lê Văn Duyệt cùng nhau làm sớ xin từ chức Tổng trấn nhằm gây áp lực với Minh Mạng về vụ án của Lê Duy Thanh. *Đại Nam thực lục* chép sự việc này như sau:

“Lê Văn Duyệt và Lê Chất dâng sớ xin từ chức Tổng trấn. Vua bảo rằng: “Hai thành là chỗ trọng trấn ở miền Nam miền Bắc, trăm đương nhờ cậy các khanh, sao lại nói ra lời ấy?”. Hai người quỳ khóc mãi không thôi. Vua hỏi hai ba lần. Chất nói: “Bệ hạ bảo thần chết thần không dám tránh, chứ việc Bắc thành thần không thể làm được”. Vua bảo rằng: “Phải chăng có việc gì khó lắm sao?” Chất nói: “Không phải vì việc gì khó, thần làm được hay không là ở bệ hạ thôi”. Vua ngạc nhiên hỏi: “Tại sao nói thế?” Chất nói: “Trước kia cái án Lê Duy Thanh tham tang thần cùng Hình tào xét hỏi, tội Thanh đáng giết, kịp đến khi bắt giao triều đình xét, lại được giảm nhẹ, ấy là phép không đủ tin với dân, nên thần không thể làm việc thành được” [10, 333-335].

Có thể nói đây là sự việc hi hữu dưới triều Nguyễn khi cả hai vị đại thần đang giữ chức Tổng trấn Bắc thành và Gia Định thành trực tiếp gây áp lực với Hoàng đế Minh Mạng. Việc tạo ra nhóm liên kết giữa các đại thần nhất là những võ quan cao cấp đang nắm binh quyền rõ ràng là nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lực của Hoàng đế. Sự liên kết giữa Lê Chất và Lê Văn Duyệt cũng cho thấy cá nhân họ đủ khả năng để tạo ra áp lực đối với Hoàng đế. Bản án vốn dĩ đã được thi hành trước đó mấy năm, nhưng đến đây lại được Lê Chất và Lê Văn Duyệt đem ra nhằm mục đích buộc Hoàng đế phải tôn trọng quyền quyết định của Tổng trấn. Lê Chất cho rằng kết quả xét lại của vụ án đã làm cho “phép không đủ tin với dân, nên thần không thể làm

việc thành được”. Tuy nhiên vua Minh Mạng đã không đồng ý và tỏ ra ôn hòa mềm dẻo khi nói: “Việc ấy là công nghị của đình thần, chẳng phải riêng một mình trẫm”.

Một điều cần lưu ý thêm ở đây là sự ủng hộ của Lê Văn Duyệt với Lê Chất. Sự ủng hộ của Lê Văn Duyệt vốn đã bắt đầu từ khi Lê Chất bỏ Tây Sơn để theo về với Nguyễn Ánh. *Đại Nam liệt truyện* cho biết: “Chất tự nghĩ mình mới phụ thuộc không được các cự thần trọng, bởi thế uốn lòng chịu Duyệt, Duyệt cũng trọng Chất là người có mưu lược, hai người kết giao tốt lắm” [13, 471]. Năm 1835, khi luận tội của Lê Chất, đình thần cho rằng Lê Chất có 6 tội đáng chết và 10 tội lớn. Trong 10 tội lớn này thì có đến 2 tội gắn với sự việc vừa trình bày ở trên, đó là: Cùng Lê Văn Duyệt dâng biểu từ quan để bắt bí vua; Vụ án Lê Duy Thanh đã xử xong, Chất còn cùng Lê Văn Duyệt đòi xin nghị tội lại [12, 830]. Như vậy là phải đến khi cả Lê Chất và Lê Văn Duyệt đều chết thì những việc làm của hai vị này mới bị lật lại và truy cứu trách nhiệm. Bản thân Lê Văn Duyệt cũng bị đình thần vạch ra rất nhiều tội lớn (7 tội xử trảm, 2 tội xử giáo) trong đó có tội ủng hộ cho Lê Chất [13, 460].

Một sự việc khác trong xử lí quan lại thuộc quyền cho thấy Tổng trấn Bắc thành Lê Chất đã chạm đến giới hạn quyền lực mà mình có được. Năm 1819, Lê Chất đi kinh lược Kinh Bắc, Cai đội bảo Mỹ Nương là Hồ Tiến Lộc cho quân nghỉ việc. Tổng trấn Lê Chất đã cho đem chém Hồ Tiến Lộc rồi mới tâu lên vua Gia Long. Vua Gia Long nói rằng: “Phép là như thế”, rồi để đấy” [9, 986]. Sau đó không lâu, ngay trong năm 1819, quản phủ Nghĩa Hưng là Thái Đình Tư cũng cho quân nghỉ việc. Bắc thành xét xử rồi báo án về triều với mức tội đồ. Vua Gia Long “giận mắng Lê Chất rằng: Xử Tư vào tội đồ là mất luật nào? Người không nhớ việc cai đội ở Mỹ Nương là Hồ Tiến Lộc à! Sao người nghiêm khắc với người ấy mà lại dung túng cho người này?” [9, 995]. Cuối cùng vụ án giao cho Bộ Hình xét lại, Thái Đình Tư phải tội chém. Qua việc này cho thấy, Lê Chất đã áp dụng nguyên tắc “tiền trảm hậu tấu” mà vua Gia Long ban cho Tổng trấn, nhưng bản thân vua Gia Long lại không muốn các vị Tổng trấn sử dụng đặc quyền này. Chính vì vậy mà sau khi buộc phải chấp nhận “để đấy” trong vụ án thứ nhất của Hồ Tiến Lộc, vua Gia Long “đã giận mắng Lê Chất” cho Lê Chất thiên vị trong vụ án thứ hai của Thái Đình Tư và buộc phải xử chém như vụ án thứ nhất. Sau khi Lê Chất chết rồi bị triều đình luận tội, có 2 tội (trong 10 tội lớn) liên quan đến vấn đề này là: Trong mọi việc sinh hay sát, ban cho hay tước đi, phần nhiều Chất hay chuyên quyền; Khi điều bổ Quản cơ, Quản phủ đều xin thi hành bằng văn sai. Những tội trạng của Lê Chất bị đình thần vạch ra sau khi chết [9, 830] càng khẳng định rằng, bản thân Hoàng đế không hề muốn các vị Tổng trấn sử dụng hết quyền lực mà họ được giao.

Trong điển chế của triều Nguyễn không đề cập đến quyền hạn của của chức vụ Tổng trấn. Tuy nhiên thông qua lời dụ của vua Gia Long và Minh Mạng có tính chất “giao nhiệm vụ” cho một số nhân vật khi nắm giữ chức vụ Tổng trấn, có thể thấy đại cương về thực quyền của họ. Năm 1802, khi vua Gia Long cho bàn bạc và thiết lập Bắc thành rồi trao chức Tổng trấn cho Nguyễn Văn Thành: “Ban cho sắc ấn, 11 trấn nội ngoại đều lệ thuộc. Phạm những việc cát bãi quan lại, xử quyết kiện tụng, đều được tùy mà làm rồi sau mới tâu” [9, 528]. Đến ngày Gia Long rời thành Thăng Long về Thuận Hóa, lại dụ cho Nguyễn Văn Thành rằng: “Công việc Bắc Thành, ủy hết cho khanh, khanh nên cố gắng” [9, 529]. Năm Gia Long thứ 9 (1810), do Nguyễn Văn Thành vì có tang mẹ phải về quê, nên Nguyễn Hoàng Đức được giao làm Tổng trấn Bắc thành, Lê Chất làm Hiệp tổng trấn, Phạm Như Đăng làm Tham hiệp tổng trấn. Nhân đó, vua Gia Long dụ rằng: “Cối Bắc là nơi trọng trấn, hết thầy ủy cho các người. Các người nên gia tâm vỗ về, dẹp trộm cướp để yên dân, cho vừa lòng trẫm. Về việc quân lữ thì từ phó tướng trở xuống, có ai trái luật thì đều được tiện nghi làm việc, rồi sau tâu lên” [9, 780]. Về sau, khi những người khác lần lượt giữ chức Tổng trấn Bắc thành và ngay cả Nguyễn Văn Nhân khi được trao chức Tổng trấn đầu tiên của Gia Định thành năm 1808, cũng không thấy đề cập đến giới hạn quyền lực hay nhiệm vụ cụ thể mà họ được giao phó. Đến năm 1820, Lê Văn Duyệt lần thứ hai giữ chức Tổng trấn Gia Định thành, vua Minh Mạng mới đề cập đến nhiệm vụ của viên Tổng trấn

này là: “Phàm truat thẳng quan lại, hưng lợi trừ hại, tất cả việc thành và việc biên cương đều cho tùy nghi mà làm” [10, 62].

Với các dữ kiện vừa dẫn, có thể thấy giới hạn quyền lực của chức vụ Tổng trấn tuy lớn hơn rất nhiều so với chức vụ đứng đầu dinh/trấn đương thời, nhưng lại tỏ ra mơ hồ, chủ yếu là ở chỗ “tùy nghi”. Có người đã sử dụng hết quyền lực của mình như trường hợp Lê Chất ở trên nhưng có người thì thận trọng hơn trong xử lý công việc. Có lẽ hiểu được sự mơ hồ này nên với sự nhạy cảm và dày dặn kinh nghiệm của một viên Nho tướng, Nguyễn Văn Thành sau khi nhận mệnh từ Gia Long đã tâu rằng: “Việc binh việc dân và việc lí tài ở Bắc thành ba điều ấy rất quan trọng, phải xếp đặt rất nhiều, thần xin ngày ghi từng việc, mỗi tháng đóng thành tập đệ tâu một lần” [9, 529]. Nguyễn Văn Thành là vị Đại tướng quân duy nhất trong các vị từng giữ chức Tổng trấn, là người được vua Gia Long đánh giá rất cao về mưu lược và năng lực cầm quân. Trong thời gian 8 năm giữ chức Tổng trấn Bắc thành (1802 – 1810), mọi công việc đều xếp đặt ổn thỏa. “Thành có văn võ tài lược, lâm trận dụng binh mưu lược rồi mới đánh cho nên ít khi thua, lúc đầu trung hưng, công ấy tốt lắm. Đến lúc Bắc Hà đã định, một mình đương công việc Tổng trấn không động đến lời nói nét mặt mà trộm giặc đều yên, bày mưu chôn miếu đường, bày tâu sự nghị đều được thi hành, có thể gọi là người có mưu giỏi trị nước” [13, 419].

Đối với các vị Tổng trấn có nhiều công lao như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Hoàng Đức vua Gia Long và Minh Mạng đều có phần vị nể họ. Đôi khi Hoàng đế phải chấp nhận một số lỗi lầm mà các vị Tổng trấn gây ra, hoặc có phê bình thì cũng nhẹ nhàng vỗ về hơn so với những người khác. Ngoài những sự việc đã nêu trên, có thể dẫn thêm trường hợp Nguyễn Văn Thành và Lê Chất vay tiền công để chi tiêu và không trả, về sau vua phải xóa nợ cho họ. Năm 1812, lúc này Nguyễn Văn Thành không còn làm Tổng trấn Bắc thành nữa mà đã về triều làm Tổng tài biên soạn bộ Hoàng Việt luật lệ, Hữu ty đòi trả số tiền 4.500 quan mà Nguyễn Văn Thành vay công quỹ khi còn ở Bắc thành. Nguyễn Văn Thành tâu lên vua Gia Long và được vua “tha tội và sắc cho không đòi nữa” [9, 839]. Năm 1823, vua Minh Mạng cũng xóa khoản vay của Lê Chất gồm 3.800 quan tiền và 800 học thóc [10, 279]. Cần thấy rằng khoản vay của Nguyễn Văn Thành và Lê Chất là khá lớn lúc bấy giờ. Theo định lệ bổng lộc cho quan lại năm 1818 thì lộc hằng năm cho người tước công là 2.500 quan tiền, gạo 1.500 phượng; bổng hằng năm cho quan văn võ trật Chánh nhất phẩm là 600 quan tiền, gạo 600 phượng, đồ mặc mùa xuân 70 quan. Nguyễn Văn Thành và Lê Chất đều tước vị quận công, trật Chánh Nhất phẩm nên bổng và lộc hàng năm ở bậc cao nhất trong hàng ngũ quan lại. Trong khi đó binh lính dưới triều Nguyễn thường được cấp lương tháng là 1 quan tiền và 1 phượng gạo. Việc xóa nợ cho Nguyễn Văn Thành và Lê Chất cho thấy các vị Hoàng đế triều Nguyễn cũng phải chấp nhận những chuyện đã rồi của các vị Tổng trấn, dù biết họ có tình không làm đúng.

Nhìn chung các vị Tổng trấn ở Bắc thành và Gia Định thành đã có những đóng góp quan trọng trong việc ổn định tình hình ở hai khu vực rộng lớn này trong buổi đầu của triều Nguyễn. Với quyền lực lớn trong tay và uy tín cá nhân, các vị Tổng trấn có khả năng tạo nên áp lực đối với Hoàng đế, buộc Hoàng đế kiêng nể họ. Tuy nhiên, nhờ có các cơ chế điều hành công việc nên Hoàng đế hoàn toàn có đủ công cụ để kiểm soát khả năng gây ảnh hưởng của các vị Tổng trấn. Chính vì vậy, trong suốt thời kỳ tồn tại cấp hành chính thành với chức quan Tổng trấn, nguy cơ tác động tiêu cực của chức quan này đối với nền chính trị đương thời chỉ ở dạng tiềm năng, gắn với uy tín từng cá nhân cụ thể. Còn đối với chức vụ Tổng trấn, trên lý thuyết triều đình trung ương và Hoàng đế đủ khả năng để kiểm soát mà không gây phương hại đến hoạt động của bộ máy hành chính. Năm vị Tổng trấn nói trên đều là những võ tướng tài năng và là công thần của triều Nguyễn, nhưng có đến 3 người bị đình thần nghị tội sau khi không còn giữ chức Tổng trấn nữa. Nguyễn Văn Thành dù công cao tội bậc rồi cũng phải tự tử ngay khi vua Gia Long đang ở ngôi. Lê Chất và Lê Văn Duyệt chết đi không lâu thì đình thần hạch tội rồi bị tước bỏ những danh vị đã có. Xét ra, để trọn vẹn như Nguyễn Văn Nhân và Nguyễn Hoàng Đức là điều không dễ dàng.

3. Kết luận

Tổng trấn là một chức quan đặc biệt gắn với thời kỳ “quyền nghi tạm đặt” trong khoảng 30 năm từ 1802 - 1832. Đây là chức quan có địa vị và quyền lực lớn nhất trong bộ máy tổ chức từ trung ương đến địa phương dưới triều Nguyễn. Những người nắm giữ chức vụ này đều là những võ quan cao cấp, là những công thần trung hưng triều Nguyễn. Trong giai đoạn đầu triều Nguyễn khi mà thiết chế trung ương tập quyền chưa thể áp đặt một cách toàn diện, triệt để thì cấp tổ chức hành chính thành với chức quan Tổng trấn đứng đầu đã giúp cho chính quyền trung ương giải quyết những khó khăn trước mắt. Tuy nhiên thành vẫn nằm trong quỹ đạo của chính quyền trung ương tập quyền và Tổng trấn dù được giao quyền lớn vẫn bị ràng buộc bởi cơ chế hoạt động của các đại diện triều đình tại thành. Từ hướng tiếp cận vai trò, vị thế của chức quan Tổng trấn trong nền chính trị đầu triều Nguyễn, có thể rút ra một số vấn đề như sau:

Mặc dù các vị Hoàng đế triều Nguyễn vẫn chấp nhận cho Tổng trấn có thể “tùy nghi” trong xử lý công vụ hoặc thậm chí “tiền trăm hậu tâu” nhưng lại không muốn các vị Tổng trấn sử dụng hết quyền của họ. Đây chính là sự mơ hồ trong giới hạn quyền lực của Tổng trấn dưới thời Gia Long và Minh Mạng. Tất cả các vị Tổng trấn, trong thời gian đương chức đều thực hiện được nhiệm vụ mà Hoàng đế giao cho họ, thậm chí được đánh giá cao về công lao. Tuy nhiên 3 trong số 5 vị từng giữ chức Tổng trấn đã phải chịu tội sau khi không giữ chức vụ này nữa. Nguyễn Văn Thành bị cho là “tự cậy công cao, phóng túng tự dụng, rồi đến nỗi bại hoại” [13, 419], đã phải chết vì sự việc của con mình ngay khi còn đương chức dưới thời Gia Long. Lê Văn Duyệt và Lê Chất bị luận tội ngay sau khi chết về những việc từng làm thời giữ chức Tổng trấn. Những sự việc cụ thể đã nêu ở phần trên cho thấy Tổng trấn hoàn toàn có thể bị Hoàng đế xử lý bởi chính sự mơ hồ trong giới hạn quyền lực. Các vị Tổng trấn nếu muốn hoàn thành sứ mệnh của mình và giữ cho bản thân được vẹn toàn cần phải hiểu rõ điều này để giữ “đúng lẽ” với Hoàng đế.

Tổng trấn với địa vị cao nhất trong hàng ngũ quan lại của vương triều, hoàn toàn có khả năng gây áp lực lên Hoàng đế trong quá trình điều hành hoạt động bộ máy hành chính. Quyền lực của họ một mặt chính là do Hoàng đế cho phép gắn với chức vụ Tổng trấn, mặt khác là thứ quyền uy của một võ tướng có nhiều công lao với triều đại. Sự liên kết chặt chẽ giữa Lê Văn Duyệt và Lê Chất là biểu hiện rõ nhất về khả năng Tổng trấn dùng quyền lực của mình để “bắt bí vua”. Thực tế cho thấy, trong những trường hợp bị gây sức ép, hoặc bị đặt vào thế đã rồi, vua Gia Long và Minh Mạng đều tỏ ra mềm dẻo, ôn hòa. Đến khi có đủ điều kiện mới dùng những việc đó để buộc Tổng trấn phải tuân theo khuôn khổ, hoặc truy cứu trách nhiệm.

Với chức vụ lớn, tước vị cao nhất (các vị Tổng trấn đều có tước quận công), lại nắm giữ binh quyền (Chưởng quân), các vị Tổng trấn trong thời gian tồn tại chức vụ này như một thứ di sản thời hậu chiến mà chính bản thân vua Gia Long chưa thể giải quyền rốt ráo trong thời gian ở ngôi. Một mặt triều đình rất cần dựa vào vai trò, ảnh hưởng của các vị Tổng trấn để ổn định tình hình xã hội, mặt khác Hoàng đế cũng luôn dè chừng và nhằn nại với các vị võ tướng này. Điều kiện để xóa bỏ hoàn toàn di sản mà vua Gia Long để lại là khi thế hệ công thần trung hưng đã không đủ khả năng gây ảnh hưởng lớn đối với tình hình chính trị, bộ máy hành chính từng bước được cấu trúc lại để tăng thêm quyền lực cho Hoàng đế. Khi thời cơ chín muồi, vua Minh Mạng đã giải thể Bắc thành và Gia Định thành để thiết lập cấu trúc hành chính mới, chức vụ Tổng trấn cũng từ đây trở thành quá khứ và một số vị đã buộc phải trả giá cho những việc đã làm khi không còn sống nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Minh Tường, 1996. *Cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh (1820-1840)*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- [2] Phan Đại Doãn, Nguyễn Minh Tường và cộng sự, 1997. *Một số vấn đề về quan chế triều Nguyễn*. Nxb Thuận Hóa. Huế.

- [3] Đỗ Bang (chủ biên), 1997. Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802 – 1884. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- [4] Đỗ Bang, 1998. Khảo cứu kinh tế và tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn: Những vấn đề đặt ra hiện nay. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- [5] Ngô Đức Lập, 2012. “Tổ chức giám sát của các triều đại quân chủ Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*. Tập 72A. Số 3. tr. 147-155 (151).
- [6] Trần Thị Thanh Thanh, 2000. *Định chế quản lý nhà nước thời Nguyễn*. Luận án Tiến sĩ Sử học. ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.
- [7] Huỳnh Văn Nhật Tiến, 2016. Quá trình phát triển của bộ máy nhà nước triều Nguyễn từ “trung ương tản quyền” đến “trung ương tập quyền” (1802-1840). Luận án Tiến sĩ Lịch sử. ĐHSP TP.HCM.
- [8] Bùi Gia Khánh, 2022. “Chế độ "duyet tuyền" dưới thời Gia Long (1801 - 1820) và Minh Mạng (1820 - 1841)”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*. Volume 67. Issue 3. pp. 85-96.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2022. *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- [11] Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*. Tập 3. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- [12] Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*. Tập 4. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- [13] Quốc sử quán triều Nguyễn. 2006. *Đại Nam liệt truyện*. Tập 2. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- [14] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam – Viện Sử học, 2009. *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều Hình luật và Hoàng Việt luật lệ*. Nxb Giáo dục Việt Nam. Hà Nội.
- [15] Cục văn thư và lưu trữ Nhà nước, 2010. *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*. Tập 1. Nxb Văn hóa Thông tin.

ABSTRACT

The position of governor-general in the politics of the early Nguyen dynasty (1802-1832)

Bui Gia Khanh

Faculty of Social Sciences Education, Saigon University

During the first 30 years of the Nguyen Dynasty, there existed a special type of local administrative organization called "Thanh", including Bac Thanh and Gia Dinh Thanh. This is the level of the administrative organization reserved for only two large areas at both ends of the country, with the function of managing, administering, and connecting the central court with the towns under the Thanh. Bac Thanh and Gia Dinh Thanh during their existence have made important contributions to sharing management work in localities, especially activities to ensure the security and stability of the political and social situation. At the head of the Thanh and accountable to the Governor for all of the Thanh activities was the Governor, always a general with the highest rank and title in the ranks of contemporary officials. The Governor had great power compared to the ranks of officials who headed the localities (towns/palaces) of the early Nguyen Dynasty. On the other hand, the Governors all came from generals who fought in battle and made many victories, so they were all classified as people with great merits and were highly respected. With an important role and function in the state apparatus along with special status, the Governor had a great influence on the politics of the early Nguyen Dynasty during the period of his existence from 1802 to 1832.

Keywords: Governor, Bac Thanh, Gia Dinh Thanh, Nguyen Dynasty, decentralization.